

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: HÓA PHÂN TÍCH

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2		
								4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1
1	1213180018	Trần Thanh	Cang	10/08/1990	01DS14B1	8.3	7.5	7.8		9.2		8.6	Đạt
2	1213180007	Võ Thị Xuân	Chi	06/03/1987	01DS14B1	9.5	9.3	9.3		10.0		9.7	Đạt
3	1213240059	Trần Thị	Diễm	26/06/1985	01DS14B1	8.3	7.8	7.9		8.6		8.3	Đạt
4	1213240013	Lê Huỳnh	Đức	02/10/1998	01DS14B1	7.8	7.3	7.4		7.4		7.4	Đạt
5	1213240033	Nguyễn Thị	Hằng	11/06/1986	01DS14B1	8.3	7.8	7.9		7.8		7.8	Đạt
6	1213180028	Nguyễn Xuân	Hằng	05/11/1994	01DS14B1	8.5	7.3	7.7		9.4		8.7	Đạt
7	1213180031	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	28/08/1989	01DS14B1	9.0	9.0	9.0		9.8		9.5	Đạt
8	1213180017	Lê Thị Thu	Hiền	17/09/1986	01DS14B1	7.8	6.8	7.1		9.2		8.4	Đạt
9	1213240066	Nguyễn Thị	Hiệp	10/10/1991	01DS14B1	8.0	7.8	7.8		9.6		8.9	Đạt
10	1213360013	Đinh Thị Thiên	Kim	23/05/1994	01DS14D1	8.0	8.8	8.5		9.4		9.0	Đạt
11	1213240056	Nguyễn Trường	Kỳ	14/04/2001	01DS14B1	8.0	7.5	7.7		7.8		7.7	Đạt
12	1213180005	Phạm Tiểu	Mai	28/08/1993	01DS14B1	8.0	8.5	8.3		9.4		9.0	Đạt
13	1213180026	Nguyễn Lê Ngọc	Nhi	07/12/1991	01DS14B1	8.5	8.3	8.3		10.0		9.3	Đạt
14	1213240062	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	01/10/2002	01DS14B1	8.0	7.3	7.5		8.8		8.3	Đạt
15	1213240036	Trần	Phúc	11/04/1995	01DS14B1	8.5	8.0	8.2		10.0		9.3	Đạt
16	1213240043	Ka	Thê	25/12/1995	01DS14B1	8.0	6.5	7.0		8.2		7.7	Đạt
17	1213180010	Bùi Minh	Tiến	04/03/1988	01DS14B1	8.3	8.5	8.4		8.8		8.6	Đạt
18	1213240006	Trương Thị Ngọc	Trâm	10/01/2000	01DS14B1	7.8	7.5	7.6		9.2		8.6	Đạt
19	1213180025	Phạm Phan Đoan	Trang	27/08/1997	01DS14B1	8.5	7.3	7.7		9.0		8.5	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: HÓA PHÂN TÍCH

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2		
							4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1
20	1213240067	Vương Ngọc Trinh	09/09/2003	01DS14B1	6.5	6.3	6.3		6.8		6.6	Đạt
21	1213180030	Nguyễn Thị Thanh Trúc	05/09/1982	01DS14B1	8.3	7.0	7.4		9.8		8.8	Đạt
22	1213360041	Lê Nguyễn Anh Thư	18/02/2000	01DS14D1	8.5	7.3	7.7		9.0		8.5	Đạt
23	1213360132	Phạm Đình Tùng	24/08/1993	01DS14D1	8.5	8.5	8.5		10.0		9.4	Đạt
24	1213180019	Võ Kim Vàng	16/04/1996	01DS14B1	8.8	8.5	8.6		9.0		8.8	Đạt
25	1213180006	Nguyễn Hùng Vương	14/09/1994	01DS14B1	7.3	7.0	7.1		8.4		7.9	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: DƯỢC LIỆU

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TBM Lần 1	
							4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1
1	1213180018	Trần Thanh Cang	10/08/1990	01DS14B1	9.0	7.0	7.7		8.0		7.9	Đạt
2	1213180007	Võ Thị Xuân Chi	06/03/1987	01DS14B1	9.0	10.0	9.7		10.0		9.9	Đạt
3	1213240059	Trần Thị Diễm	26/06/1985	01DS14B1	7.5	10.0	9.2		9.5		9.4	Đạt
4	1213240013	Lê Huỳnh Đức	02/10/1998	01DS14B1	6.0	8.5	7.7		9.2		8.6	Đạt
5	1213240033	Nguyễn Thị Hằng	11/06/1986	01DS14B1	8.0	8.0	8.0		9.8		9.1	Đạt
6	1213180028	Nguyễn Xuân Hằng	05/11/1994	01DS14B1	8.5	9.0	8.8		9.8		9.4	Đạt
7	1213180031	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	28/08/1989	01DS14B1	9.0	10.0	9.7		9.8		9.7	Đạt
8	1213180017	Lê Thị Thu Hiền	17/09/1986	01DS14B1	7.5	7.5	7.5		9.0		8.4	Đạt
9	1213240066	Nguyễn Thị Hiệp	10/10/1991	01DS14B1	9.0	10.0	9.7		9.3		9.4	Đạt
10	1213360013	Đinh Thị Thiên Kim	23/05/1994	01DS14D1	8.5	7.5	7.8		9.8		9.0	Đạt
11	1213240056	Nguyễn Trường Kỳ	14/04/2001	01DS14B1	5.5	8.0	7.2		7.8		7.5	Đạt
12	1213180005	Phạm Tiểu Mai	28/08/1993	01DS14B1	9.0	9.0	9.0		9.8		9.5	Đạt
13	1213180026	Nguyễn Lê Ngọc Nhi	07/12/1991	01DS14B1	9.0	8.0	8.3		9.8		9.2	Đạt
14	1213240062	Nguyễn Thị Huỳnh Như	01/10/2002	01DS14B1	8.5	7.5	7.8		9.0		8.5	Đạt
15	1213240036	Trần Phúc	11/04/1995	01DS14B1	8.5	6.0	6.8		8.7		8.0	Đạt
16	1213240043	Ka Thê	25/12/1995	01DS14B1	8.0	7.0	7.3		9.3		8.5	Đạt
17	1213180010	Bùi Minh Tiến	04/03/1988	01DS14B1	6.5	9.0	8.2		9.3		8.8	Đạt
18	1213240006	Trương Thị Ngọc Trâm	10/01/2000	01DS14B1	8.5	7.0	7.5		9.3		8.6	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: DƯỢC LIỆU

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2		
								4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1
19	1213180025	Phạm Phan Đoan	Trang	27/08/1997	01DS14B1	7.5	6.0	6.5		8.8		7.9	Đạt
20	1213240067	Vương Ngọc	Trình	09/09/2003	01DS14B1	5.5	4.0	4.5	TBKT			1.8	Học lại
21	1213180030	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	05/09/1982	01DS14B1	8.0	8.0	8.0		9.8		9.1	Đạt
22	1213360041	Lê Nguyễn Anh	Thư	18/02/2000	01DS14D1	9.0	10.0	9.7		10.0		9.9	Đạt
23	1213360132	Phạm Đình	Tùng	24/08/1993	01DS14D1	8.5	9.0	8.8		9.2		9.1	Đạt
24	1213180019	Võ Kim	Vàng	16/04/1996	01DS14B1	8.5	8.0	8.2		9.2		8.8	Đạt
25	1213180006	Nguyễn Hùng	Vương	14/09/1994	01DS14B1	8.5	8.0	8.2		9.3		8.8	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: THỰC TẬP DƯỢC LÂM SÀNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
1	1213180018	Trần Thanh Cang	10/08/1990	01DS14B1	9.0	9.0	9.0		9.2		9.1	Đạt
2	1213180007	Võ Thị Xuân Chi	06/03/1987	01DS14B1	9.5	9.0	9.2		9.5		9.4	Đạt
3	1213240059	Trần Thị Diễm	26/06/1985	01DS14B1	8.5	8.0	8.2		8.8		8.5	Đạt
4	1213240013	Lê Huỳnh Đức	02/10/1998	01DS14B1	8.0	7.5	7.7		8.8		8.3	Đạt
5	1213240033	Nguyễn Thị Hằng	11/06/1986	01DS14B1	8.0	8.5	8.3		9.3		8.9	Đạt
6	1213180028	Nguyễn Xuân Hằng	05/11/1994	01DS14B1	8.0	8.5	8.3		9.5		9.0	Đạt
7	1213180031	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	28/08/1989	01DS14B1	9.5	9.5	9.5		9.5		9.5	Đạt
8	1213180017	Lê Thị Thu Hiền	17/09/1986	01DS14B1	9.0	8.0	8.3		7.8		8.0	Đạt
9	1213240066	Nguyễn Thị Hiệp	10/10/1991	01DS14B1	7.5	8.0	7.8		9.2		8.7	Đạt
10	1213360013	Đinh Thị Thiên Kim	23/05/1994	01DS14D1	9.5	8.5	8.8		9.0		8.9	Đạt
11	1213240056	Nguyễn Trường Kỳ	14/04/2001	01DS14B1	7.5	8.0	7.8		7.3		7.5	Đạt
12	1213180005	Phạm Tiểu Mai	28/08/1993	01DS14B1	8.5	8.5	8.5		8.8		8.7	Đạt
13	1213180026	Nguyễn Lê Ngọc Nhi	07/12/1991	01DS14B1	8.5	8.5	8.5		9.3		9.0	Đạt
14	1213240062	Nguyễn Thị Huỳnh Như	01/10/2002	01DS14B1	9.0	8.5	8.7		9.3		9.0	Đạt
15	1213240036	Trần Phúc	11/04/1995	01DS14B1	8.5	8.5	8.5		9.5		9.1	Đạt
16	1213240043	Ka Thê	25/12/1995	01DS14B1	7.5	8.0	7.8		8.5		8.2	Đạt
17	1213180010	Bùi Minh Tiến	04/03/1988	01DS14B1	8.0	7.5	7.7		9.2		8.6	Đạt
18	1213240006	Trương Thị Ngọc Trâm	10/01/2000	01DS14B1	7.5	8.5	8.2		8.8		8.5	Đạt
19	1213180025	Phạm Phan Đoan Trang	27/08/1997	01DS14B1	8.0	8.0	8.0		8.8		8.5	Đạt
20	1213240067	Vương Ngọc Trinh	09/09/2003	01DS14B1	5.0	7.0	6.3		7.8		7.2	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: THỰC TẬP DUỢC LÂM SÀNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4.0		6.0	6.0		
21	1213180030	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	05/09/1982	01DS14B1	8.5	8.5	8.5		9.2		8.9	Đạt
22	1213360041	Lê Nguyễn Anh	Thư	18/02/2000	01DS14D1	8.0	7.5	7.7		9.5		8.8	Đạt
23	1213360132	Phạm Đình	Tùng	24/08/1993	01DS14D1	7.5	8.5	8.2		9.3		8.8	Đạt
24	1213180019	Võ Kim	Vàng	16/04/1996	01DS14B1	9.0	9.0	9.0		9.3		9.2	Đạt
25	1213180006	Nguyễn Hùng	Vương	14/09/1994	01DS14B1	8.0	7.0	7.3		9.0		8.3	Đạt